TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. NHATRANG -TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **12**/2018/DSST
Ngày: 22/6/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nam Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Liên
Bà Nguyễn Thị Lý
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên

Ngày 22/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 466/2017/ TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2017, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 18/6/2018; giữa các đương sự :

** Nguyên đơn* : Bà Đinh Thị B
Trú tại **:** 43 Hải Đ, phường Phương S, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H
Địa chỉ: 44/23 N, phường X, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(Theo giấy ủy quyền ngày 30/10/2017)
Ông H có mặt.
** Bị đơn* : Ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Hồng Nh
Trú tại: Tổ 3, T, phường V, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn V: Bà Trần Thị H
Địa chỉ: 16 M, phường P, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(Theo giấy ủy quyền ngày 14/6/2018)
Bà H có mặt.
Bà Lê Thị Hồng Nh có đơn xin xét xử vắng mặt.
** Người làm chứng:*
1/ Ông Nguyễn Anh H
Địa chỉ: Tổ 12 H, phường V, Tp. Nha Trang , tỉnh Khánh Hòa
Ông H vắng mặt
2/ Ông Trần Quang H
Địa chỉ: 114 H, phường L, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Ông H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2017 của bà Đinh Thị B, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 27/4/2016 giữa bà Đinh Thị B, ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Hồng Nh có lập giấy mượn tiền, theo đó ông V và bà Nh vay của bà B số tiền 340.000.000đ *(ba trăm bốn mươi triệu đồng)* để lấy vốn làm ăn. Khi lập giấy mượn tiền thì bà B và ông V cùng ký tên sau đó ông V yêu cầu bà B đưa giấy mượn tiền về nhà để bà Nh ký sau. Tuy nhiên bà Nh có ký vào giấy mượn tiền đề ngày 27/4/2016 không thì bà B không biết. Ông V và bà Nh không thừa nhận việc bà Nh có ký tên trong giấy mượn tiền, ông V cho rằng chữ ký của bà Nh là do ông V ký thay. Do bà B không nhìn thấy trực tiếp bà Nh ký tên nên nếu ông V không thừa nhận chữ ký của bà Nh trong giấy mượn tiền thì bà B đồng ý theo ý kiến của ông V.

Tuy nhiên, việc ông V vay tiền của bà B để đóng ghe thuyền đi biển là phục vụ việc làm ăn kinh tế chung của gia đình nên bà B yêu cầu ông V và bà Nh phải cùng có nghĩa vụ trả nợ số tiền trên.

-Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ông Đỗ Văn V là bị đơn trình bày:

Năm 2015 tôi có vay mượn số tiền 500.000.000 đồng của bà Đinh Thị B để làm vốn đi biển. Tôi vay số tiền trên của bà B không lập giấy tờ trên tinh thần tin tưởng nhau, tiền lãi hàng tháng 4%. Sau khi tôi nhận số tiền 500.000.000đ của bà B thì tôi đã lấy 20.000.000đ trả lãi cho bà B. Tính từ tháng 8 (AL) đến tháng 01/2016 tôi đã trả cho bà B số tiền lãi là 120.000.000đ. Sau đó tháng 01/2017 tôi trả cho bà B số tiền gốc là 500.000.000đ, việc trả số tiền gốc và lãi giữa tôi và bà B đều không viết giấy tờ gì. Trong thời gian tôi mượn của bà B số tiền 500.000.000đ tôi đã trả lãi cho bà B đầy đủ, đến tháng 4/2016 tôi không có khả năng trả lãi nữa nên giữa tôi và bà B có lập giấy mượn tiền ngày 27/4/2016 với số tiền tôi vay của bà B là 340.000.000đ, nhưng thực tế số tiền trên là tiền lãi mà bà B tính lãi đối với số tiền vay 500.000.000đ.

Giấy mượn tiền lập ngày 27/4/2016 có chữ ký của bà B và tôi, chữ ký trong giấy mượn tiền của bà Nh là do tôi tự ký, bà Nh không ký tên vào giấy mượn tiền nói trên. Tôi và bà Nh chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường V. Ng, Tp. Nha Trang. Việc tôi mượn tiền của bà B để làm ăn thì vợ tôi không biết, vợ tôi chỉ biết tôi có đóng thuyền đi biển nhưng nguồn tiền để đóng thuyền ở đâu thì vợ tôi không biết, hàng tháng tôi đi biển kiếm tiền về đưa cho vợ tôi, vợ tôi ở nhà chăm sóc con, khoảng 01 năm nay vợ tôi có xin đi làm công nhân còn trước đây vợ tôi chỉ ở nhà nội trợ.

Hiện nay, bà B khởi kiện yêu cầu tôi và vợ tôi phải trả số tiền 340.000.000đ thì tôi không có tiền trả cho bà B. Vì chiếc thuyền tôi mượn tiền của bà B để đóng đi biển đã bị chìm, tôi và vợ tôi phải đi làm thuê nên không có khả năng trả nợ.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Vào năm 2015 ông Đỗ Văn V có mượn của bà Đinh Thị B số tiền 500.000.000đ với lãi suất 4%/tháng, mục đích để đóng ghe đi biển, hai bên không viết giấy tờ trên tinh thần tin tưởng nhau. Quá trình vay giữa bà B và ông V không viết giấy tờ gì. Ông V đã nhờ ông Nguyễn Anh H là người lái xe thồ ông V thường đi cầm tiền đến nhà đưa cho bà B. Tổng cộng ông V nhờ ông Nguyễn Anh H đưa cho bà B 09 lần, mỗi lần đưa 20.000.000đ. Tổng cộng là 180.000.000đ, đây chính là số tiền lãi ông V trả cho bà B.

Đến tháng 4/2016 ông V làm ăn thua lỗ do ghe bị chìm nên không có khả năng trả tiền lãi cho bà B, Ngày 27/4/2016 bà B yêu cầu ông V viết giấy mượn tiền với số tiền 340.000.000đ. Thực tế đây là số tiền lãi bà B cho ông Vmượn với mức lãi suất 4%/tháng. Đối với số tiền gốc ông V đã trả đủ cho bà B vào tháng 01/2017. Tôi thấy với số tiền lãi nêu trên là quá lớn so với quy định của nhà nước nên không đồng ý trả như yêu cầu của bà B.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án bà Lê Thị Hồng Nh là bị đơn trình bày:

Tôi không biết việc vay mượn tiền giữa chồng tôi anh Đỗ Văn V và bà Đinh Thị B; tôi cũng không ký và ghi họ tên vào giấy mượn tiền đề ngày 27/4/2016. Chồng tôi đã mượn tiền của bà B để làm ăn, đi biển tôi ở nhà chăm lo gia đình, nuôi con nên không biết về chuyện làm ăn của chồng tôi. Nay bà B yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền 340.000.000đ tôi không có ý kiến gì.

-*Tại bản tự khai tại Tòa án người làm chứng ông Nguyễn Anh H trình bày:*

Tôi làm nghề xe thồ nên thường xuyên chở hàng cho anh V. Thời gian từ năm 2014 đến năm 2015 (tôi không nhớ cụ thể ngày, tháng) anh V có nhờ tôi đem tiền đến nhà bà B để đưa cho bà B tổng cộng 09 lần, mỗi lần 20.000.000đ tổng số tiền anh V nhờ tôi đưa cho bà B là 180.000.000đ. Anh V đưa tiền nhờ tôi đem đến đưa cho bà thì tôi đưa tôi cũng không biết đó là tiền gì. Trước tết âm lịch năm 2017 tôi có chở anh V đến nhà bà B, khi đi anh V có cầm theo 01 bọc tiền tôi không biết là bao nhiêu vì đó là chuyện của anh V.

Việc anh V có vay mượn tiền của bà B hay không và cụ thể việc trả nợ như thế nào tôi không biết.

-*Tại bản tự khai người làm chứng ông Trần Quang H trình bày:* Tôi không biết việc vay mượn tiền gì giữa bà B và anh Đỗ Văn V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Hồng Nh có vay mượn của bà Đinh Thị B số tiền 340.000.000đ (ba trăm bốn mươi triệu đồng) vào ngày 27/4/2016. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Hồng Nh phải trả cho bà Đinh Thị B toàn bộ số tiền nêu trên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Văn V không đồng ý trả cho bà Đinh Thị B số tiền 340.000.000đ vì thực tế đây là số tiền lãi 4%/tháng của khoản tiền ông V đã mượn của bà B vào năm 2015 với số tiền gốc là 500.000.000đ. Quá trình vay mượn ông V đã trả cho bà B 180.000.000đ tiền lãi và đã trả cho bà B toàn bộ số tiền gốc là 500.000.000đ vào tháng 01/2017. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông vẻ phải trả số tiền 340.000.000đ ông V không đồng ý.

Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho số tiền theo giấy mượn tiền đề ngày 27/4/2016 là số tiền lãi của khoản tiền gốc là 500.000.000đ. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Đỗ Văn Vvà bà Lê Thị Hồng Nh phải trả cho bà Đinh Thị B số tiền 340.000.000đ (ba trăm bốn mươi triệu đồng). Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 340.000.000đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, theo Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Hồng Nh có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Hồng Nh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét thấy giấy mượn tiền đề ngày 27/4/2016 có chữ ký tên và viết tên Lê Thị Hồng Nh do ông Đỗ Văn V tự viết và ký. Tuy nhiên các bên đều thống nhất là giấy vay mượn này được lập ngày 27/4/2016, thời hạn mượn là 06 tháng. Nguyên đơn cho rằng đã quá thời hạn nêu trên nhưng ông V và bà Nh không trả, như vậy quyền và lợi ích của nguyên đơn đã bị xâm phạm. Tuy nhiên các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi

kiện nên áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giữa bà B và ông V có ký giấy mượn tiền đề ngày 27/4/2016 với số tiền 340.000.000đ, ông V vay mục đích đóng ghe thuyền đi biển, không thế chấp tài sản, các bên đều thống nhất. Tuy nhiên, ông V cho rằng năm 2015 ông có vay mượn của bà B số tiền 500.000.000đ với lãi suất 4%/tháng. Tính đến tháng 4/2016 ông V đã trả cho bà B 180.000.000đ tiền lãi; Tháng 01/2017 ông V đã trả cho bà B số tiền gốc là 500.000.000đ nhưng việc vay mượn và trả tiền đều không có giấy tờ. Thực tế giấy mượn tiền đề ngày 27/4/2016 với số tiền 340.000.000đ là số tiền lãi của khoản tiền vay mượn 500.000.000đ nhưng ông V không có chứng cứ gì để chứng minh. Nên giấy mượn tiền trên là chứng cứ duy nhất xác định ông V có mượn của bà B số tiền 340.000.000đ. Vì vậy, HĐXX xét thấy đây cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 340.000.000đ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án thì ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Hồng Nh phải chịu số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Hoàn trả cho bà Đinh Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị B đối với ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Hồng Nh. Buộc ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Hồng Nh có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị B số tiền 340.000.000đ *(ba trăm bốn mươi triệu đồng)*.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Hồng Nh phải chịu 17.000.000đ *(mười bảy triệu đồng)* án phí DSST.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị B số tiền 8.500.000đ *(tám triệu năm trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007490 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không đợc vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh Khánh Hòa
- VKS TP Nha Trang
- THA Dân sự TP Nha Trang
- Người tham gia tố tụng
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nam Hoa